

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/04/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	406	TD5-CTK3+CLO	7:25	8+12	0+0		1+21	0+0	
2	426	TD1+PVD2	7:25	15+7	0+0		14+8	0+0	
3	406	BK10+PVD2	9:25	1+10	0+0		0+21	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/04/2018	TO: TD5 - CTK3 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - QViệt - Luy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SAFONOV BORIS	TD5	27	1	10		80	KHOAN	Russian
2	PHAN HUY THƯƠNG	CTK3	28	1	9		79	LILAMA18	Vietnamese
3	HINH NGOC GIANG	CTK3	25	1	4		69	LILAMA18	Vietnamese
4	HO THE SON	CTK3	27	1	5		60	LILAMA18	Vietnamese
5	LE VAN DUNG	CTK3					70	LILAMA18	Vietnamese
6	VO QUANG HAU	CTK3	30	1	5		56	LILAMA18	Vietnamese
7	TRAN CONG LUC	CTK3	26	1	4		61	LILAMA18	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN HAI	CTK3	29	1	5		50	LILAMA18	Vietnamese
9	HOANG VAN HUNG	CLO	23	1	5	20	70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TRUNG	CLO					86	KHOAN	Vietnamese
11	LA VIET HUNG	CLO	22	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN VIET HUNG	CLO	25	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
13	ĐAU VAN MINH	CLO	21	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
14	LE VAN LY	CLO	18	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN HUU SON	CLO	20	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN DINH HAI	CLO	19	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN KIM HUNG	CLO	27	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM VAN TAM	CLO	17	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN TRUNG KIEN	CLO	26	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
20	TA MINH UY	CLO	24	1	14	6	61	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	1	1	10	80	0	0		
2	CTK3	7	6	32	445	0	1		
3	CLO	12	11	63	837	46	21 + 1		
TOTAL		20	18	105	1.362	46	23		
WEIGHT KG				105	1.362	46			

GRAND TOAL: 1.493 KGS + 20 Kg

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/04/2018	TO: TD1 - PVD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Khang - TUYỀN - PTUÁN	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KLYUZHEV	TD1	97	1	7		110	KHOAN	Russian
2	KOROTKOV V.A	TD1	96	1	9		100	KHOAN	Russian
3	NGUYEN VAN QUY	TD1	73	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG VAN MINH	TD1	26	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	DUONG XUAN THANG	TD1	98	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
6	ĐANG VIET KHÔI	TD1	99,100	2	7		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THIEU	TD1	69	1	7	90	75	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM ĐỨC TUAN	TD1	68	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
9	ĐOAN VAN LEO	TD1	67	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN ĐANG KHOA	TD1	70	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM VAN THIET	TD1	66	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TRUONG DUONG	TD1	72	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
13	TRINH CAO TRONG	TD1	71	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THANH TUNG	TD1	46	1	13		67	CODIEN	Vietnamese
15	HOANG MINH HAI	TD1	74-75	2	14		80	CODIEN	Vietnamese
16	VU THANH PHONG	PVD2	18	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN THANH LONG	PVD2	15	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
18	MAI DONG DUY	PVD2	13	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
19	TRUONG CONG DIEN	PVD2	16	1	5	25	80	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN LUC	PVD2	19	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN DUC CHI	PVD2	14	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
22	PHAM VAN TAN	PVD2	17	1	4		64	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	15	17	103	1.139	90	14		
2	PVD2	7	7	31	484	25	8		
TOTAL		22	24	134	1.623	115	22		
WEIGHT KG				134	1.623	115			

GRAND TOAL: 1.872 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/04/2018	TO: BK10 - PVD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Nam - QViệt - Luy	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUONG QUYET THANG	BK10	97	1	10	160	70	KH-THAC	Vietnamese
2	DO DUC NGOC	PVD2	99	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM HONG MINH	PVD2	48,200	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DINH TIEN	PVD2	47	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
5	TONG VAN DAT	PVD2	96	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
6	DAO HAI NAM	PVD2	98	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	KORBUNIN A V	PVD2	73	1	10		95	KHOAN	Russian
8	TELESENCO I	PVD2	74	1	11		120	KHOAN	Russian
9	ĐANG QUỐC ĐẠT	PVD2	23	1	10	10	60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN ĐỨC LONG	PVD2	76	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
11	MAI VAN DUONG	PVD2	75	1	10		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	1	1	10	70	160	0		
2	PVD2	10	11	86	735	10	21		
TOTAL		11	12	96	805	170	21		
WEIGHT KG				96	805	170			

GRAND TOAL: 1.071 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/04/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú		
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay		Người	Hàng
1	426	TD5+BK3+TD2	7:25	5+17	0+0		0+22	0+0	CHUYEN KHACH BK3- TD2

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01-Apr-18	TO: TD5 - BK3 - TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hôi - XHOÀN - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOROSHENKO M.K	TD2	82	1	9		95	KHOAN	Russian
2	LE MINH DUC ** TT	TD2	48	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
3	LE TUAN NGHIA	TD2	41	1	4	30	70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG TIEN	TD2	84	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
5	VU THAP TOAN	TD2					74	KHOAN	Vietnamese
6	MAI DUC THAN	TD2	85	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
7	DINH VAN TAI	TD2	42	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
8	LE NGUYEN	TD2	81	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DUAN	TD2	80	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN CHI DUC	TD2	43	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TAI THUYET	TD2	39	1	3		50	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN MINH TUNG	TD2	46	1	12		75	CDIEN	Vietnamese
13	NGUYEN HONG DIEP	TD2	45	1	10		66	CDIEN	Vietnamese
14	TRAN VAN TOAN	TD2	44,52	2	8	25	71	CDIEN	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG ANH	TD2	40	1	5		70	ATOAN	Vietnamese
16	BUI HUY BANG	TD2	83	1	12		70	DVL	Vietnamese
17	TRUONG HUU PHUOC	TD2	47	1	10		60	YTE	Vietnamese
18	HO CHI CONG	TD2	86	1	5		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	0	0	0	0	105	0		CHUYEN 1 PAX TU BK3 SANG TD2
2	BK3	0	0	0	0	0	0		
3	TD2	18	18	110	1.253	55	22		
TOTAL		18	18	110	1.253	160	22		
WEIGHT KG				110	1.253	160			

GRAND TOAL: 1.523 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/04/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	426	P7+BK8	7:25	18+4	0+0		16+6	0+0	
2	427	TD5+P4	7:25	19+3	0+0		15+7	0+0	
3	406	TGTH5+AMID	7:25	5+17	0+0		2+20	0+0	
4	420	P2+P1	7:25	12+10	0+0		10+12	0+0	chuyển 1 pax từ p2-p1
5	426	P7+TD3	9:25	9+13	0+0		0+22	0+0	
6	427	TTCl+BK4+P2	9:25	0+0+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyển 3 pax từ bk10- bk4chuyển 1 pax từ bk4-p2
7	406	JS2+P4	9:25	14+8	0+0		12+10	0+0	
8	420	P1+P4	9:25	16+6	0+0		14+8	0+0	
9	426	P3+P4+P9	11:25	7+15+0	0+0+0		1+20+1	0+0+0	
10	427	BK6+P5	11:25	6+16	0+0		5+17	0+0	
11	406	AMD+PPD+BK14	11:25	19+2+1	0+0+0		16+3+2	0+0+0	
12	426	P3+P5	13:25	14+6	0+0		12+9	0+0	



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2018	TO: P7 - BK8	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hồi - Linh - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG NGOC TUNG	P7	20	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG ANH TUAN	P7	01	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VAN HOAN	P7	05	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUU HUNG	P7	04	1	4	50	62	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN LOI	P7	13	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI TRONG AN	P7	07	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	TRUONG VAN QUANG	P7	06	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN THIEN	P7	15	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG CONG ĐANG	P7	21	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN HONG HAI	P7	22	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN SOAI	P7	09	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC TUAN	P7	02-03	2	7		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN CHUONG	P7	11	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
14	VU TRUNG KIEN	P7	14	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐO XUAN LONG	P7	08	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	DUONG DUY KHUONG	P7	12	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOAN TRỌNG TUONG	P7	16	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
18	VU XUAN TAM	P7	10	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TAT HOA	BK8	04	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN VAN THUAN	BK8	03	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN THANH SON	BK8	02	1	5	55	60	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÔNG XUAN CHIEN	BK8	01	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	18	19	113	1,237	50	16		
2	BK8	4	4	19	273	55	6		
TOTAL		22	23	132	1,510	105	22		
WEIGHT KG				132	1,510	105			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02-Apr-18	TO: TD5 - P4	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - THỤ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ SĨ HOÀI THANH	TD5	36	1	4	40	62	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH THỤ	TD5	37	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN HOANG LAM	TD5	51	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
4	LƯU THẾ ĐIỆN	TD5	42	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN HOÀNH VŨ	TD5	43	1	2		76	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ TIẾN DŨNG	TD5					76	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ HUY TIẾN HẢI	TD5	39-40	2	9		65	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	45	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	50	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD5	49	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ XUÂN HIẾN	TD5					59	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN HƯƠNG	TD5	44	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
13	ĐINH QUANG CHIẾN	TD5	41	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN TRÚC TUYẾN	TD5	38	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
15	KOSTIKIN	TD5	55	1	12		126	NIPI	Russian
16	ZEMLIANOV	TD5	54	1	5		80	NIPI	Russian
17	PHẠM NGỌC THẠCH	TD5	47	1	4		70	PSV	Vietnamese
18	PHẠM QUANG HUY	TD5	48	1	5		64	PSV	Vietnamese
19	NGÔ VĂN GIAO	TD5	46	1	5		85	PSV	Vietnamese
20	VŨ MẠNH HÀ	P4	29	1	5	70	65	KH-THẠC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG DŨNG	P4	30-31	2	10		67	KH-THẠC	Vietnamese
22	PHAN HỒNG TÂM	P4	27-28	2	10		55	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	19	18	94	1.364	40	15		
2	P4	3	5	25	187	70	7		
TOTAL		22	23	119	1.551	110	22		
WEIGHT KG				119	1.551	110			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2018	TO: TGTH5 -AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - Vũ	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUNG HIEU	TGTH5	03-05	3	15		78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN CONG THANH	TGTH5	06-07	2	13	25	70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN KHAC VINH	TGTH5	01	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ANH DUC	TGTH5	400	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRUC TAI	TGTH5	02	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
6	CECIL DUNCAN VAUGHAN	AMD	72-73	2	14		78	KH-THAC	S.African
7	PHAM VAN AN	AMD	64	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
8	K' LỘC	AMD	79	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN THANH	AMD	65	1	3	70	64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN SANH	AMD	66	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG VAN THE	AMD	74-75	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
12	TRUONG THE KHAI	AMD	82-83	2	11		71	KH-THAC	Vietnamese
13	THAI NGUYEN HAI VI	AMD	69-70	2	11		85	KH-THAC	Vietnamese
14	DUONG VAN DONG	AMD	78	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DOAN DUAN	AMD	62	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN NGOC THU	AMD	80-81	2	7		71	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN THANH NGOAN	AMD	76-77	2	7		90	KH-THAC	Vietnamese
18	TRUONG DUC HUNG	AMD	61	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN PHUONG	AMD	68	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
20	THAI BA HUNG	AMD	63	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	71	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN MANH HA	AMD	67	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	5	8	46	333	25	3		
2	AMD	17	23	121	1.195	70	19		
TOTAL		22	31	167	1.528	95	22		
WEIGHT KG				167	1.528	95			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.

Me

VNH REP.

[Signature]

CAPTAIN

[Signature]



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2018	TO: P2 - P1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - Năm	ETA: 09:30
TRANGIA			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG MINH SON	P2	70	1	15		70	AN-TOAN	Vietnamese
2	KHOKHLOV	P2	59	1	8		98	KH-THAC	Russian
3	HOANG THANH HOA	P2	67	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
4	DUONG ĐỨC HIẾU	P2	68	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THE ANH	P2	65	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
6	TRỊNH BA ĐÔNG	P2					66	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG MINH ĐỨC	P2	63	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯỜNG TUẤN KIẾT	P2	60	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAC ĐỨC HUY	P2	62	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
10	VU NGOC DUNG	P2	61	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG HUNG	P2	66	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
12	LUU VAN TU	P2	64	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN TEO	P2	69	1	3		55	D-SONG	Vietnamese
14	VU VAN MANH	P1					68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG THỌ	P1					82	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN DƯ	P1	40	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VANTU	P1	37	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
18	VI KHÁC THANH **	P1	36	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐINH VĂN THĂNG	P1	38	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN THĂNG	P1	35	1	5	40	66	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN XUÂN LẠNH	P1	41	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI HUY NGHIỆP	P1	39	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	13	12	60	869	0	10		CHUYEN 01 PAX TU P2 SANG P1
2	P1	9	7	36	607	40	12		
TOTAL		22	19	96	1.476	40	22		
WEIGHT KG				96	1.476	40			

GRAND TOAL: 1.612 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2018	TO: P7 - TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Hồi - Linh - HIẾU	ETA: 11:20
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUY TAI	P7	10	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	LE BA HOA	P7	01	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
3	DOAN NGOC THUONG	P7	07	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN DUC	P7					70	PSV	Vietnamese
5	BUI DAC CANH	P7	05	1	5		62	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN HANH	P7	06	1	5		70	PSV	Vietnamese
7	DO HOAI NAM	P7	03	1	5	40	70	PSV	Vietnamese
8	PHAM NGOC CHI	P7	04	1	5		60	PSV	Vietnamese
9	BUI DUC ANH	P7	02	1	5		70	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THANG	TD3					80	KHOAN	Vietnamese
11	LUU QUYET THANG	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN CONG HOAN	TD3	56-57	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGO QUANG PHUC	TD3	47	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	LE NGOC BINH	TD3	50	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
15	KHONG QUOC HUNG	TD3	52	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG NGOC NGHIA	TD3	49	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN DUC THANG	TD3	53	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	DAO LE XUAN SON	TD3	51	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
19	BUI VAN NGHIA	TD3	48	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN HUYNH LAM	TD3	54-55	2	15		75	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM THANH DUNG	TD3					70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	9	8	50	602	40	0		
2	TD3	12	11	66	869	0	22		
TOTAL		21	19	116	1.471	40	22		
WEIGHT KG				116	1.471	40			

GRAND TOAL: 1.627 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2018	TO: TTC1 - BK4 - P2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - THU	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG DUC TUAN	TTC1	85	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN VAN TOAN	TTC1	87	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
3	DUONG QUANG TRUNG	TTC1	89	1	5	70	98	XAYLAP	Vietnamese
4	DO MANH HUNG	TTC1	88	1	6	20	59	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN ANH TUAN	TTC1	86	1	9		55	XAYLAP	Vietnamese
6	LE VAN ĐÔNG	P2	75	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
7	VU VAN NAM	P2	78	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	VU VAN THO	P2	77	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM NGUYEN HOANG PHUC	P2	81	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN PHU HUU	P2	82	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI THO DUNG	P2					55	KH-THAC	Vietnamese
12	LE DINH HUAN	P2	72	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
13	LE SINH TAM	P2	73	1	11		90	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HUU HA	P2	79	1	9		50	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VAN QUYEN	P2	80	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
16	K' LING	P2	76	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
17	DOAN KHAC CAN	P2	74	1	9		59	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM SY HIEP	P2	71	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM KIEN TRUC	P2	86	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC LONG	P2	87	1	8	17	60	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI HONG SANG	P2	84-85	2	17		87	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC LINH	P2	83	1	2		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	5	5	40	332	90	0		CHUYEN 1 PAX BK4 SANG P2
2	BK4	0	0	0	0	20	0 + 1		
3	P2	17	17	114	1.149	17	22		
TOTAL		22	22	154	1.481	127	22		
WEIGHT KG				154	1.481	127			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2018	TO: JS2 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - Vũ	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGỌC AN	JS2	77-78	2	7	51	76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC HOÀN	JS2	76	1	6	55	60	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ NGỌC THĂNG	JS2	75	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐÌNH NAM	JS2	87-88	2	16		60	CODIEN	Vietnamese
5	LÊ HỮU TUƠNG	JS2	85-86	2	7		60	CODIEN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN TUYẾT	JS2	90	1	15	35	71	DVL	Vietnamese
7	LE PHU PHUC	JS2	74	1	9		80	DVL	Vietnamese
8	PHAN VINH TRUƠNG	JS2	91	1	11		64	DVL	Vietnamese
9	ĐỖ NGỌC DUYỀN	JS2	89	1	15		76	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN TRẦN VINH	JS2	94	1	12		58	XAYLAP	Vietnamese
11	TA QUỐC CHINH	JS2	92-93	2	20		79	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM VĂN VUI	JS2	95	1	19		60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN QUYÊN	JS2	96	1	6	20	70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC QUANG	JS2	79	1	4		99	PSV	Vietnamese
15	PHẠM KHÁC ĐOÀN	P4					65	KH-THAC	Vietnamese
16	HA QUANG TRUNG	P4	20	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN PHÒNG	P4					80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY THAI	P4	19	1	2		73	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ BẢO AN	P4	17	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯƠNG HỮU HẬU	P4	16	1	7		88	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM THAI SƠN	P4	21	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN HOÀNG	P4	18	1	9		84	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	14	18	152	998	161	12		
2	P4	8	6	38	574	0	10		
TOTAL		22	24	190	1.572	161	22		
WEIGHT KG				190	1.572	161			

GRAND TOAL: 1.923 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2018	TO: P1 - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - Năm	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VAN TUAN	P1	54	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
2	VU DUY KHANH	P1	63	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN KHANH DUY	P1	53	1	3		84	KH-THAC	Vietnamese
4	LE QUANG TIEN	P1	60	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
5	HO HUU CHUNG	P1	55	1	4		53	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐANG ĐỨC TOANH	P1	59	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DINH HAI	P1	57	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN QUANG PHUOC	P1	50	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUU NGHIA	P1	56	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM ĐỨC BÓN	P1	48	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
11	CAO ĐANG PHONG	P1	58	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRỌNG YEN	P1	47	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NONG	P1	49	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
14	LE MINH HIEU	P1	61-62	2	12		64	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAAM MINH TOAN	P1	51-52	2	14		56	YTE	Vietnamese
16	NGUYEN QUY TAN	P1	44-45	2	9		76	DK9	Vietnamese
17	TRAN SY DU	P1	46	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI MINH TUAN	P4	85	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
19	VU THANG	P4	88	1	10		96	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN NGOC TUAN	P4	87	1	5	60	56	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN NHAN HAI	P4	86	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN KHANH	P4	89	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	17	20	95	1.153	0	14		
2	P4	5	5	27	354	60	8		
TOTAL		22	25	122	1.507	60	22		
WEIGHT KG				122	1.507	60			

GRAND TOAL: 1.689 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02-Apr-18	TO: P3 - P4 - P9	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: #NAM CHIEN - HUY	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN CUU	P3	37	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	DO VAN DAM	P3	39	1	5	20	70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN TRUNG CHINH	P3	38	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	DO NGUYEN THINH	P3	41	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI SY CONG	P3	42	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN QUOC BINH	P3	40	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THIEN TOAN	P4	94	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYEN VU HONG HA	P4	97	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LE DUY TRUNG	P4	96	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	KHUONG VAN THAO	P4	88	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO SY KHOA	P4	91	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	HA TAN DUNG	P4	92	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI QUANG SON	P4	90	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	DO MANH DUNG	P4	89	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
15	LE HONG TRUNG	P4	98	1	5	90	70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC TUYEN	P4	93	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
17	DOAN HONG DUONG	P4	87	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
18	MAI MANH KHANH CUONG	P4	99,600	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN CONG PHU	P4	297	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
20	HOANG QUOC HUY	P4	298-299	2	17		70	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEEN TRONG BINH	P4	294-296	3	15		65	YTE	Vietnamese
22	PHAM CONG DIEN	P4	95	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	6	6	31	432	20	0		
2	P4	16	20	112	1.125	90	20		
3	P9	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	26	143	1.557	110	22		
WEIGHT KG				143	1.557	110			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02-Apr-18	TO: BK6 - P5	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - DUONG - THỤ	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO ĐỨC HUNG	BK6				35	59	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ VĂN HIỆU	BK6	12	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
3	HUYNH PHUC AM	BK6	13-14	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
4	LE BA TŨ	BK6	09	1	10		53	CODIEN	Vietnamese
5	BUI VAN MINH	BK6	10	1	9		58	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN PHE	BK6	11	1	4		67	PSV	Vietnamese
7	BUI VAN BAC	P5				55	75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN QUANG PHUC	P5	82	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM TU ANH	P5	65	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
10	MAI VAN BA	P5	75	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN MACH	P5	72	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LE ĐỨC THANH	P5	71	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN KHAI	P5	69	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN ANH TUAN	P5	76-77	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ QUANG HUNG	P5	73	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
16	LE VAN KHOAI	P5	70	1	9		57	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI TRỌNG TRIU	P5	78	1	5	20	60	XAY LAP	Vietnamese
18	LE TRỌNG VAN	P5	83-84	2	17		65	XAY LAP	Vietnamese
19	NGUYEN MINH TUAN	P5	80-81	2	14		60	XAY LAP	Vietnamese
20	NGUYEN CONG KHOAI	P5	66	1	10		61	XAY LAP	Vietnamese
21	NGO VAN TUAN	P5	67-68	2	10		79	XAY LAP	Vietnamese
22	LE QUỐC HUƠNG	P5	74	1	11		71	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	6	6	38	364	35	5		
2	P5	16	19	122	1.067	75	17		
TOTAL		22	25	160	1.431	110	22		
WEIGHT KG				160	1.431	110			

GRAND TOAL: 1.701 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2018	TO: AMD - PPD - BK14	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - Vũ	ETA: 13:40
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ANH DUNG	AMD	39	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
2	HA VAN THUY	AMD	52-53	2	15		73	KH-THAC	Vietnamese
3	LE CHI CUONG	AMD	47-48	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN VINH	AMD	49-50	2	15		71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO VAN SAU	AMD	45	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LE ĐỨC TÂM	AMD	41	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TRAI	AMD	43	1	12	35	60	KH-THAC	Vietnamese
8	DUONG VAN TUYEN	AMD	90-91	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN VIET	AMD	42	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN PHONG	AMD	40	1	10		78	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN VAN NGHE	AMD	51	1	5		73	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THI	AMD	54	1	4		68	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NANG	AMD	44	1	6		54	PSV	Vietnamese
14	LE VAN THIEN	AMD	57	1	8	6	62	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN VAN CUONG	AMD	46	1	10		57	PSV	Vietnamese
16	TRAN CAO TANG	AMD	58	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TRAN DUC MINH	AMD	59	1	12		80	PSV-Thai	Vietnamese
18	PHẠM TUẤN THANH	AMD	55	1	5		74	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	56	1	3		58	PSV	Vietnamese
20	VŨ CHÍ KIẾN	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VAN TINH	PPD	80	1	5		74	H-DONG	Vietnamese
22	NGUYEN THANH HUNG	BK14	66-67	2	19	50	68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	19	23	161	1.302	41	16		
2	PPD	2	1	5	149	0	4		
3	BK14	1	2	19	68	50	2		
TOTAL		22	26	185	1.519	91	22		
WEIGHT KG				185	1.519	91			

GRAND TOAL: 1.795 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/04/2018	TO: P3 - P5	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:00
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: LBinh - CHIÊN - HUY	ETA: 15:40
VANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN LÊ TÙNG	P3	48-49	2	7		61	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG BA VINH	P3	53-54	2	18		58	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐANG CÔNG DANH	P3	64	1	13	40	80	CODIEN	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN THANH	P3	44-45	2	15		79	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC ANH	P3	47	1	3		67	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH HUNG	P3	46	1	13		74	CODIEN	Vietnamese
7	VU NGỌC CANH	P3	65	1	11		75	CODIEN	Vietnamese
8	HOANG THAI TAI	P3	62-63	2	15	37	63	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN KHÁC TUAT	P3	55-56	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ QUỐC VƯƠNG	P3	57-58	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐẶNG THĂNG LONG	P3	61	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC TÍNH	P3	59-60	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	P3	51	1	3		60	GETRACO	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY CANH	P3	52	1	5		50	GETRACO	Vietnamese
15	LAI DỤC BAY	P3	50	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH ĐỨC TÂM	P5	09	1	7		62	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG VĂN HỒNG	P5	51-52	2	12		93	XAYLAP	Vietnamese
18	TU VAN SON	P5	33	1	3		77	PSV	Vietnamese
19	ĐẠO VĂN THẠNG	P5	98	1	3	11	54	PSV	Vietnamese
20	HOANG MINH PHONG	P5	34	1	2		67	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH GIÀU	P5	32	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	15	22	162	1.006	77	13		
2	P5	6	7	32	418	11	9		
TOTAL		21	29	194	1.424	88	22		
WEIGHT KG				194	1.424	88			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN